

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 236/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30-6-2020

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình
về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Thi;

Ông Nguyễn Thiện Hoàn

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Nhựt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Minh Triết – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2020 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 221/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1989 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp PH, xã P, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Bà Mao Thị H, sinh năm: 1997 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp VH, xã VL, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, ông C trình bày: Năm 2017, thông qua mai mối ông và bà H thành vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện An Phú, tỉnh An Giang vào ngày 30 tháng 11 năm 2017. Sau khi kết hôn vợ chồng lên Đồng Nai làm thuê được 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cả hai người không quan tâm lẫn nhau và ông đã bỏ về quê sống, cắt đứt liên lạc với bà H. Hiện cả hai không còn sống chung với nhau từ cuối năm 2017 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, nay xin ly hôn.

- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là bà Mao Thị H không có văn bản hoặc ý kiến trình bày đối với yêu cầu C ông C. Không tham gia các buổi hoà giải, phiên họp về việc tiếp cận, công khai chứng cứ.

Kết quả xác minh tình trạng cư trú C bà H thể hiện bà vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã VL, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa:

Ông C có đơn xin vắng mặt, bảo lưu ý kiến C mình như đã trình bày, không đồng ý đoàn tụ.

Bà H vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát thực hành quyền kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa phát biểu: Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong việc xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, quá trình hòa giải, xác minh, thu thập chứng cứ... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy hôn nhân giữa ông C và bà H có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể kéo dài, thời gian không chung sống đã lâu nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông C theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Không có nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do ông C không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Ông C phải chịu án phí về hôn nhân gia đình.

NHẬN ĐỊNH C TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông C khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà H, các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Phú. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bà H vắng mặt không có lý do mặc dù đã triệu tập hợp lệ, ông C có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông, bà.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà H và ông C xác lập trên cơ sở mai mối nhưng có đăng ký kết hôn theo quy định nên là hôn nhân hợp pháp được công nhận theo Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu C ông C xin ly hôn với bà H thì thấy: Trong đời sống hôn nhân giữa hai bên thường hay phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và cả hai đã không còn chung sống với nhau từ cuối năm 2017 đến nay, thời gian không chung sống giữa hai bên không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm gia đình. Bà H đã được tổng đạt các thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo hoà giải nhưng không có ý kiến đối với yêu cầu của ông C, không tham gia hòa giải để tìm biện pháp hàn gắn lại tình cảm gia đình.

Lời trình bày của ông C về nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian không còn chung sống còn được xác nhận bởi lời khai của bà Nguyễn Thị Thu V, mẹ bà H, theo đó trong thời gian chung sống giữa hai người phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không cùng quan điểm, cách sống và cả hai đã không còn chung sống với nhau từ tháng 12/2017 đến nay. Theo bà Vân thì cả hai không thể chung sống lại được.

Tại phiên hoà giải ông C vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà H, không đồng ý đoàn tụ. Vì vậy có đủ cơ sở xác định mục đích hôn nhân giữa hai bên không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng nên yêu cầu ly hôn của ông C là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc nuôi con chung, cấp dưỡng: Ông C khai không có, bà H cũng không có ý kiến về con chung. Do vậy Hội đồng xét xử xác định ông C và bà H không có con chung như ông C trình bày.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Do ông C không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Trường hợp bà H và ông C có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung phát sinh trong thời kỳ hôn nhân thì có quyền khởi kiện trong một vụ án khác.

[5] Về án phí: Ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Ông Huỳnh Văn C được ly hôn bà Mao Thị H.
- Về con chung: Không có.

- Về án phí: Ông C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp theo biên lai thu số 0001013 ngày 21/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 107 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp ngày 30/11/2017 không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi gửi:**

- TAND tỉnh AG;
- VKSND tỉnh AG;
- VKS H. AP;
- THADS H. AP;
- UBND xã P, AP, AG;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

Nguyễn Quang Bảo